

**Phụ lục VI**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-SGDVN ngày..... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

**Công ty Cổ phần  
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam**  
Số: 1803/25Taya-Vn-cbtt

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
Biên Hòa, ngày 18 tháng 03 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

- Mã chứng khoán: TYA

- Địa chỉ: số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.

- Điện thoại liên hệ: 0251-3836361-4

Fax: 0251-3836388

- E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw

2. Nội dung thông tin công bố:

Giải trình và BCTC kiểm toán năm 2024-Trụ sở chính.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/03/2025 Tại đường dẫn: [www.taya.com.vn](http://www.taya.com.vn) mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/.

**Tài liệu đính kèm:**

- GT và BCTC kiểm toán.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam**



**LINH THIN PAU**

(Trưởng phòng Quản lý Chứng khoán)

## GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM

Tên công ty : Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam  
Trụ sở chính : Số 1, đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.  
Điện thoại: 0251-3836361-4 Fax : 0251-3836388  
Người thực hiện công bố thông tin: Linh Thịn Pau  
Địa chỉ : Số 1, đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.  
Điện thoại: 0251-3836361-4 (315) Fax : 0251-3836388

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam giải trình báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của Trụ sở chính tăng lợi nhuận trên 10% so với cùng kỳ năm 2023 và chênh lệch số liệu so với báo cáo tài chính quý 4 năm 2024 trước kiểm toán như sau:

### I. Giải trình tăng lợi nhuận trên 10% so với cùng kỳ năm 2023:

So với lợi nhuận sau thuế năm 2023 trụ sở chính bị thua lỗ khoảng -16,92 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế năm 2024 lãi khoảng 43,93 tỷ đồng, do năm 2023 kinh tế thế giới suy yếu ảnh hưởng việc kinh doanh không được thuận lợi, bước sang năm 2024 kinh tế thế giới khởi sắc trở lại, công ty bán hàng tích cực thuận lợi, giá cả PVC nguyên liệu đầu vào được kiểm soát hiệu quả, giảm chi phí sản xuất và chi phí lãi vay ngân hàng nên năm 2024 công ty kinh doanh có lãi.

### II. Giải trình chênh lệch số liệu so với báo cáo tài chính quý 4 năm 2024 trước kiểm toán như sau:

So sánh chênh lệch số liệu:

ĐVT: đồng

Nội dung	Số liệu kiểm toán	Số liệu tự quyết	Tăng/giảm so với kiểm toán
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Phải thu ngắn hạn khách hàng (131)	223,742,859,871	240,379,314,442	-16,636,454,571
Người mua trả tiền trước (312)	191,490,157	16,827,944,728	-16,636,454,571
<b>Bảng lãi lỗ</b>			
Doanh thu hoạt động tài chính	21,467,586,999	21,179,838,693	287,748,306
Chi phí tài chính	29,483,394,060	29,195,645,754	287,748,306

Giải trình cụ thể:

#### Bảng cân đối kế toán

\* Kiểm toán điều chỉnh giảm Phải thu ngắn hạn khách hàng (131) 223.742.859.871 phát sinh chênh lệch (16.636.454.571) bù trừ với điều chỉnh giảm Người mua trả tiền trước (312) 191.490.157 phát sinh chênh lệch (16.636.454.571).

\* Do điều chỉnh các số liệu trên đã ảnh hưởng làm thay đổi các số liệu khác trong Bảng cân đối kế toán.

**Bảng lãi lỗ**

\* Kiểm toán điều chỉnh tăng Doanh thu hoạt động tài chính 21.467.586.999 phát sinh chênh lệch 287.748.306 ảnh hưởng điều chỉnh tăng chi phí tài chính thành 29.483.394.060.

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

\* Do ảnh hưởng bởi những điều chỉnh và thay đổi các số liệu nêu trên, một vài số liệu tại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng được điều chỉnh, phân loại và trình bày lại nhưng không làm thay đổi số dư cuối kỳ.

Trân trọng!

**Người công bố thông tin được ủy quyền**



**Linh Thin Pau**

(Trưởng phòng quản lý chứng khoán)



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện  
Taya (Việt Nam) –  
Trụ sở chính Đồng Nai**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy phép Đầu tư số</b>	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	
	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
	414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
	414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
	414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số</b>	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	3600241468	ngày 17 tháng 5 năm 2017
	3600241468	ngày 20 tháng 9 năm 2022
	3600241468	ngày 27 tháng 4 năm 2023
	3600241468	ngày 10 tháng 10 năm 2024
	do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp	

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui Ông Lin Fu Chih	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Hsu Ching Yao Ông Huang Shih Che	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Hung Chung Ming Ông Chiu Tsung Jen Ông Wang Wen Ruey	Trưởng ban Thành viên Thành viên
<b>Trụ sở đăng ký</b>		
<b>Trụ sở chính</b>	Số 1, Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
<b>Chi nhánh</b>	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Trụ sở chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
  
Hsu Ching Yao  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2025







## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00451-25-1



Nguyễn Thủy Ninh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4623-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Bành Thúy Phượng  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4626-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2025

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>736.485.748.312</b>	<b>516.791.585.282</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>112.919.226.902</b>	<b>33.765.894.300</b>
Tiền	111		92.919.226.902	32.497.322.797
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	1.268.571.503
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>168.584.671.656</b>	<b>62.751.981.656</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	168.584.671.656	62.751.981.656
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>225.758.043.882</b>	<b>181.007.884.476</b>
Phải thu của khách hàng	131	6(a)	223.742.859.871	156.732.055.685
Trả trước cho người bán	132	6(b)	358.261.589	24.507.320.320
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(c)	2.680.881.710	792.467.759
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.023.959.288)	(1.023.959.288)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>197.588.203.620</b>	<b>211.342.548.802</b>
Hàng tồn kho	141		199.276.103.784	213.136.441.614
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.687.900.164)	(1.793.892.812)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>31.635.602.252</b>	<b>27.923.276.048</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.338.368.620	1.626.546.185
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13(a)	28.929.537.977	25.586.886.343
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	590.412.865
Tài sản ngắn hạn khác	155		367.695.655	119.430.655
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>172.546.707.112</b>	<b>175.388.803.609</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>122.801.647.437</b>	<b>122.801.647.437</b>
Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh	213	8	122.801.647.437	122.801.647.437
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>44.248.297.437</b>	<b>46.123.685.001</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	44.248.297.437	46.123.685.001
Nguyên giá	222		356.420.765.111	350.859.644.147
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(312.172.467.674)	(304.735.959.146)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.000.078.800)	(1.000.078.800)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.092.276.182</b>	<b>4.230.182.354</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	3.092.276.182	4.230.182.354
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.404.486.056</b>	<b>2.233.288.817</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.997.707.138	1.810.611.002
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		406.778.918	422.677.815
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>909.032.455.424</b>	<b>692.180.388.891</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>432.939.255.964</b>	<b>257.690.500.924</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>432.939.255.964</b>	<b>257.690.500.924</b>
Phải trả người bán	311	12	9.201.411.388	5.453.388.057
Người mua trả tiền trước	312		191.490.157	3.670.280.518
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13(b)	1.258.728.520	507.203.972
Phải trả người lao động	314		5.928.235.340	5.184.081.600
Chi phí phải trả	315		3.236.832.708	2.205.156.747
Phải trả ngắn hạn khác	319		44.452.498	31.921.497
Vay ngắn hạn	320	14	413.078.105.353	240.638.468.533
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>476.093.199.460</b>	<b>434.489.887.967</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>476.093.199.460</b>	<b>434.489.887.967</b>
Vốn cổ phần	411	16	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	16	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	18	104.304.882.632	104.160.685.081
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.161.706.191	23.702.592.249
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.233.360.645	40.624.711.250
- Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	421b		43.928.345.546	(16.922.119.001)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>909.032.455.424</b>	<b>692.180.388.891</b>

Ngày 13 tháng 3 năm 2025

Người lập:

  
 Su Yu Chun  
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Mẫu B 02 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	20	1.242.986.127.296	1.002.152.232.273
Giá vốn hàng bán	11	21	1.128.499.032.921	948.587.385.642
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>114.487.094.375</b>	<b>53.564.846.631</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	21.467.586.999	19.867.932.027
Chi phí tài chính	22	23	29.483.394.060	34.735.719.185
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		15.706.771.471	21.651.167.719
Chi phí bán hàng	25	24	24.376.615.550	16.961.204.029
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	27.300.973.109	27.593.577.195
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>54.793.698.655</b>	<b>(5.857.721.751)</b>
Thu nhập khác	31		153.751.485	47.456.069
Chi phí khác	32		956.287.840	3.521.905.858
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(802.536.355)</b>	<b>(3.474.449.789)</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>53.991.162.300</b>	<b>(9.332.171.540)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	10.046.917.857	7.535.277.505
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	15.898.897	54.669.956
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>43.928.345.546</b>	<b>(16.922.119.001)</b>

Ngày 13 tháng 3 năm 2025

Người lập:

  
 Su Yu Chun  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
 Hsu Ching Yao  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>53.991.162.300</b>	<b>(9.332.171.540)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	10.244.704.930	10.309.128.880
Các khoản dự phòng	03	(105.992.648)	(364.466.375)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.427.339.381)	(3.429.209.306)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(7.158.890.306)	(4.130.888.576)
Chi phí lãi vay	06	15.706.771.471	21.651.167.719
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>71.250.416.366</b>	<b>14.703.560.802</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(45.281.610.366)	123.664.435.412
Biến động hàng tồn kho	10	13.860.337.830	28.052.655.566
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	1.246.845.847	(18.255.256.246)
Biến động chi phí trả trước	12	(898.918.571)	850.951.691
		<b>40.177.071.106</b>	<b>149.016.347.225</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.621.390.517)	(23.223.071.856)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.585.892.412)	(4.661.989.500)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.513.583)	(814.730.413)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>15.945.274.594</b>	<b>120.316.555.456</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(6.397.411.194)	(4.996.887.924)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	150.818.182	-
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(410.101.261.503)	(138.273.515.063)
Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	304.268.571.503	157.961.663.760
Tiền thu lãi tiền gửi	27	5.119.658.173	5.050.804.380
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(106.959.624.839)</b>	<b>19.742.065.153</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.024.827.770.710	919.809.061.373
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34	(852.455.110.110)	(1.088.857.323.484)
Tiền chi trả cổ tức	36	(2.300.520.470)	(7.133.920.672)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>170.072.140.130</b>	<b>(176.182.182.783)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>79.057.789.885</b>	<b>(36.123.562.174)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>33.765.894.300</b>	<b>69.889.236.300</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>95.542.717</b>	<b>220.174</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b> (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	<b>70</b>	<b>112.919.226.902</b>	<b>33.765.894.300</b>

Ngày 13 tháng 3 năm 2025

Người lập:

  
 Su Yu Chun  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
 Hsu Ching Yao  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động từ tháng 1 năm 2005 tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Trụ sở chính có 229 nhân viên (1/1/2024: 227 nhân viên).

**(e) Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán**

Trong năm, phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính và cho các dịch vụ khác (gồm các dịch vụ phi đảm bảo và soát xét thông tin tài chính) lần lượt là 228 triệu VND và 425 triệu VND (2023: lần lượt là 228 triệu VND và 425 triệu VND).

1000  
GT  
IA  
PĐ  
A  
LM  
Đ

1000  
GT  
IA  
PĐ  
A  
LM  
Đ

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này do Trụ sở chính lập và không bao gồm báo cáo tài chính của Chi nhánh. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính này.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 5 năm.

**(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Phí hội viên câu lạc bộ gôn**

Phí hội viên câu lạc bộ gôn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi Trụ sở chính phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Trụ sở chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	302.905.000	553.255.000
Tiền gửi ngân hàng	92.616.321.902	31.944.067.797
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	1.268.571.503
	112.919.226.902	33.765.894.300

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm là 4,5% trong năm (2023: 2,1% đến 5,0% một năm).

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND	4,0% - 5,8%	168.584.671.656	62.751.981.656

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bao gồm trong tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng nhằm mục đích đảm bảo cho khoản tiền đã nhận trước từ khách hàng của Trụ sở chính với số tiền là 1.240 triệu VND (1/1/2024: 1.240 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Các khoản phải thu ngắn hạn**

**(a) Phải thu của khách hàng**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)	5.794.917.767	4.151.354.856
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	68.708.753.279	33.323.422.726
Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation	41.123.115.517	25.256.283.679
Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam	28.895.290.738	23.667.127.691
Các khách hàng khác	79.220.782.570	70.333.866.733
	223.742.859.871	156.732.055.685

Các khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**(b) Trả trước cho người bán**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trả trước cho Công ty TNHH Thương mại Đức Biên để mua nguyên vật liệu	-	23.562.303.138
Trả trước cho Công ty TNHH PCCC Tâm Đức Phát để mua tài sản dài hạn	-	834.000.000
Nhà cung cấp khác	358.261.589	111.017.182
	358.261.589	24.507.320.320

**(c) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi phải thu	2.680.881.710	792.467.759

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	26.225.103.601	-	-	-
Nguyên vật liệu	24.084.800.423	-	31.792.620.908	-
Sản phẩm dở dang	28.747.531.430	(1.481.864.172)	62.287.454.022	(112.540.086)
Thành phẩm	120.218.668.330	(206.035.992)	119.056.366.684	(1.681.352.726)
	<b>199.276.103.784</b>	<b>(1.687.900.164)</b>	<b>213.136.441.614</b>	<b>(1.793.892.812)</b>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	1.793.892.812	2.158.359.187
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(105.992.648)	(364.466.375)
Số dư cuối năm	<b>1.687.900.164</b>	<b>1.793.892.812</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 33.283 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm (1/1/2024: 57.375 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**8. Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Vốn kinh doanh cấp cho Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho Chi nhánh vào năm 2007 để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh. Vốn kinh doanh này không hưởng lãi và được phản ánh theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	80.222.207.522	253.727.470.420	9.356.758.516	5.007.639.882	2.545.567.807	350.859.644.147
Tăng trong năm	2.780.000.000	233.080.000	149.875.394	193.910.000	-	3.356.865.394
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	4.079.270.154	933.181.818	-	-	5.012.451.972
Thanh lý	-	(2.407.799.311)	(400.397.091)	-	-	(2.808.196.402)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>83.002.207.522</b>	<b>255.632.021.263</b>	<b>10.039.418.637</b>	<b>5.201.549.882</b>	<b>2.545.567.807</b>	<b>356.420.765.111</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	67.166.525.887	222.317.738.447	8.850.695.338	3.962.962.467	2.438.037.007	304.735.959.146
Khấu hao trong năm	1.559.974.702	8.227.739.229	112.060.776	317.006.223	27.924.000	10.244.704.930
Thanh lý	-	(2.407.799.311)	(400.397.091)	-	-	(2.808.196.402)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>68.726.500.589</b>	<b>228.137.678.365</b>	<b>8.562.359.023</b>	<b>4.279.968.690</b>	<b>2.465.961.007</b>	<b>312.172.467.674</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	13.055.681.635	31.409.731.973	506.063.178	1.044.677.415	107.530.800	46.123.685.001
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	14.275.706.933	27.494.342.898	1.477.059.614	921.581.192	79.606.800	44.248.297.437

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 248.478 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 239.552 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	4.230.182.354
Tăng trong năm	3.874.545.800
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.012.451.972)
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	3.092.276.182

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Máy móc và thiết bị	2.792.276.182	3.930.182.354
Phần mềm vi tính	300.000.000	300.000.000
	<hr/>	<hr/>
	3.092.276.182	4.230.182.354

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.083.818.011	726.792.991	1.810.611.002
Tăng trong năm	-	753.132.676	753.132.676
Phân bổ trong năm	(56.848.560)	(509.187.980)	(566.036.540)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.026.969.451	970.737.687	1.997.707.138

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2024</b> <b>Giá gốc/ Số có</b> <b>khả năng</b> <b>trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>Giá gốc/ Số có</b> <b>khả năng</b> <b>trả nợ</b> <b>VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	1.695.620.878	727.665.337
<b>Các bên thứ ba</b>		
Fu Pao Chemical Co., Ltd.	2.023.839.009	-
Công ty TNHH Vinacompound	1.221.660.000	942.480.000
Tong Hsieh Chemical Industrial Co., Ltd	1.454.771.736	1.332.355.200
Các nhà cung cấp khác	2.805.519.765	2.450.887.520
	<hr/>	<hr/>
	9.201.411.388	5.453.388.057

Các khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Thuế**

**(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	<b>1/1/2024 VND</b>	<b>Phát sinh VND</b>	<b>Hoàn lại VND</b>	<b>Cần trừ VND</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	25.586.886.343	106.240.733.176	(40.770.000.000)	(62.128.081.542)	28.929.537.977

**(b) Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2024 VND</b>	<b>Phát sinh VND</b>	<b>Nộp VND</b>	<b>Cần trừ VND</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	62.128.081.542	-	(62.128.081.542)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	89.604.544.829	(89.604.544.829)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.046.917.857	(8.585.892.412)	(590.412.865)	870.612.580
Thuế thu nhập cá nhân	507.203.972	1.002.724.200	(1.121.812.232)	-	388.115.940
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.338.871.593	(2.338.871.593)	-	-
Các loại thuế khác	-	864.898.669	(864.898.669)	-	-
	507.203.972	165.986.038.690	(102.516.019.735)	(62.718.494.407)	1.258.728.520

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Vay ngắn hạn**

	<b>Biến động trong năm</b>				<b>31/12/2024</b> Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
	<b>1/1/2024</b> Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	<b>Giải ngân VND</b>	<b>Hoàn trả VND</b>	<b>Đánh giá lại VND</b>	
Vay ngắn hạn	240.638.468.533	1.024.827.770.710	(852.455.110.110)	66.976.220	413.078.105.353

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Hạn mức tín dụng</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
Ngân hàng Mega International Commercial Bank Co., Ltd., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	10 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,25%	252.321.448.133	119.304.404.123
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Biên Hòa	100 tỷ VND	3,6%	92.698.514.142	5.795.747.074
Ngân hàng TNHH CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	29.965.646.229	1.132.779.026
The Shanghai Commercial & Saving Bank, Ltd., Chi nhánh Offshore Banking	72 tỷ VND	VNIBOR 6 tháng + 1,3%	15.125.192.528	62.937.349.516
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	7,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,2%	12.655.000.000	50.042.181.794
Ngân hàng E.SUN Commercial Bank, Chi nhánh Đồng Nai	4,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 0,75%	9.840.404.321	-
Cathay United Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4,0 triệu USD	VNIBOR + 1,5%	471.900.000	-
Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 0,94%	-	1.426.007.000
			<b>413.078.105.353</b>	<b>240.638.468.533</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay này không có đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	99.368.153.238	53.365.894.178	459.360.658.053
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.792.531.843	(4.792.531.843)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(814.730.413)	(814.730.413)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 17)	-	-	-	(12.272.232.800)	(12.272.232.800)
Cổ tức – 41,87% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 17)	-	-	-	5.138.312.128	5.138.312.128
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	(16.922.119.001)	(16.922.119.001)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	104.160.685.081	23.702.592.249	434.489.887.967
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	144.197.551	(144.197.551)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(24.513.583)	(24.513.583)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 17)	-	-	-	(7.670.145.500)	(7.670.145.500)
Cổ tức – 70,01% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 17)	-	-	-	5.369.625.030	5.369.625.030
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	43.928.345.546	43.928.345.546
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	104.304.882.632	65.161.706.191	476.093.199.460

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 16. **Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Trụ sở chính như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	30.689.945	306.899.450.000	30.689.945	306.899.450.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

## 17. **Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 22 tháng 4 năm 2024 đã quyết định phân phối cổ tức với số tiền là 7.670 triệu VND (250 VND một cổ phiếu) (2023: 12.272 triệu VND). Khoản cổ tức này sẽ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính và Chi nhánh với tỷ lệ lần lượt là 29,99% và 70,01% (2023: tỷ lệ lần lượt là 58,13% và 41,87%).

## 18. **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	3.624.670.800	3.624.670.800
Trong vòng hai đến năm	14.498.683.200	14.498.683.200
Sau năm	37.946.433.500	41.571.104.300
	56.069.787.500	59.694.458.300

**(b) Ngoại tệ**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.030.365	51.268.839.813	107.024	2.577.100.892

**20. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.227.722.629.096	990.234.423.673
▪ Bán hàng hóa	39.167.200	54.274.600
▪ Bán phế liệu	15.224.331.000	11.863.534.000
	1.242.986.127.296	1.002.152.232.273



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Giá vốn hàng bán**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	1.128.578.629.093	948.918.907.442
▪ Hàng hóa đã bán	26.396.476	32.944.575
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(105.992.648)	(364.466.375)
	<hr/>	<hr/>
	1.128.499.032.921	948.587.385.642

**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.008.072.124	4.130.888.576
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	13.032.175.494	12.307.834.145
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.427.339.381	3.429.209.306
	<hr/>	<hr/>
	21.467.586.999	19.867.932.027

**23. Chi phí tài chính**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	15.706.771.471	21.651.167.719
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	13.776.622.589	13.084.551.466
	<hr/>	<hr/>
	29.483.394.060	34.735.719.185

**24. Chi phí bán hàng**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	8.896.888.909	8.155.796.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.715.246.873	7.123.277.569
Chi phí sử dụng logo	6.535.806.500	-
Chi phí khác	2.228.673.268	1.682.130.277
	<hr/>	<hr/>
	24.376.615.550	16.961.204.029



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	13.317.563.998	13.514.021.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.299.155.614	5.537.849.748
Chi phí khác	7.684.253.497	8.541.706.047
	27.300.973.109	27.593.577.195

**26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.010.531.391.373	948.951.852.017
Chi phí nhân công và nhân viên	47.940.063.560	44.695.577.355
Chi phí khấu hao	10.244.704.930	10.309.128.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.473.730.614	41.892.201.686
Chi phí khác	41.065.262.511	33.485.231.986

**27. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2024 VND	2023 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	10.046.917.857	2.120.374.779
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	5.414.902.726
	10.046.917.857	7.535.277.505
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	15.898.897	54.669.956
	10.062.816.754	7.589.947.461

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	53.991.162.300	(9.332.171.540)
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	8.098.674.345	(1.399.825.731)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.395.353.862	3.454.814.777
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	568.788.547	120.055.689
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	5.414.902.726
	10.062.816.754	7.589.947.461

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 15% trên lợi nhuận tính thuế. Ưu đãi thuế suất này không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng do Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015 và các khoản thu nhập khác; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải của quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các quy định này cũng có thể bị thay đổi theo từng thời kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn phải được cơ quan thuế xem xét.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Trụ sở chính có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2024 VND	2023 VND	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>				
<b>Taya Taiwan Electric Wire &amp; Cable Co., Ltd.</b>				
Mua nguyên vật liệu	3.965.719.608	-	-	-
Phí bản quyền và phí UL (*)	1.946.384.218	1.535.887.691	1.695.620.878	727.665.337
Phí dịch vụ	19.929.780.000	19.780.200.000	-	-
<b>Công ty mẹ</b>				
<b>Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.</b>				
Cổ tức đã phân phối (**)	6.138.793.000	9.822.695.133	-	-
<b>Chi nhánh</b>				
<b>Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương</b>				
Bán thành phẩm	1.911.817.380	1.251.750.030	-	-
Cổ tức phải thu	5.369.625.030	5.138.312.128	-	-
<b>Các bên liên quan khác</b>				
<b>Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)</b>				
Bán thành phẩm	40.472.941.083	31.288.190.079	5.794.917.767	4.151.354.856
Mua nguyên vật liệu	25.473.000	20.825.000	-	-
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>				
Thù lao cho thành viên				
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	2.527.031.028	3.219.006.611	-	-
Thù lao cho thành viên				
Ban Tổng Giám đốc	1.095.829.965	1.325.633.160	-	-
Cổ tức đã phân phối cho thành viên Hội đồng Quản trị				
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch	-	284.344.743	-	12.820.744

(\*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. (công ty mẹ cấp cao), Trụ sở chính có quyền sử dụng thương hiệu và chứng chỉ UL của 8 sản phẩm sở hữu bởi Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(\*\*) Đây là toàn bộ cổ tức phân phối cho Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd., công ty mẹ, trong đó 70,01% (2023: 41,87%) được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 17).

Mức thù lao, lương, thưởng thực tế của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Trụ sở chính như sau:

Tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
<i>Thù lao và thưởng</i>			
Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch	987.471.508	1.147.089.481
Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch	987.471.508	938.516.401
Ông Shen Shang Hung	Thành viên	2.228.508	74.066.401
Ông Shen San Yi	Thành viên	2.228.508	74.066.401
Ông Wang Ting Shu	Thành viên	2.228.508	74.066.401
Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên	2.228.508	74.066.401
Ông Tu Ting Jui	Thành viên	2.228.508	74.066.401
Ông Lin Fu Chih	Thành viên	2.228.508	74.066.401
<b>Ban Giám đốc</b>			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Hsu Ching Yao	Tổng Giám đốc	1.095.829.965	774.559.600
Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 4 năm 2023)	-	551.073.560



**29. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025

Người lập:

*Su Yu Chun*  
 Su Yu Chun  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

*Hsu Ching Yao*  
 Hsu Ching Yao  
 Tổng Giám đốc

